

Số: 84/BC-NTT

Nghĩa Trung, ngày 11 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO
THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI THEO
THÔNG TƯ 36/2017/TT-BGDĐT NĂM HỌC 2020-2021

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa;

Trường THCS Nguyễn Tất Thành báo cáo việc thực hiện Quy chế công khai cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

Thực hiện quy chế công khai trong trường học nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy quyền làm chủ, tự chịu trách nhiệm, thực hiện giám sát các hoạt động theo quy chế dân chủ cơ sở, chấp hành nghiêm túc các quy định của cấp trên.

Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, phụ huynh học sinh và xã hội tham gia giám sát và đánh giá đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phát huy khả năng tự học và tinh thần sáng tạo, năng động trong việc tìm tòi kiến thức để nâng cao trình độ tay nghề.

Tự điều chỉnh kịp thời các sai phạm, hay thiếu sót trong quản lý điều hành của ban giám hiệu, các tổ chức đoàn thể, giáo viên trong nhà trường.

Tạo điều kiện cho xã hội tham gia giám sát, hỗ trợ nhà trường trong công tác giáo dục.

Thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ, chính xác, cụ thể, rõ ràng về nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của Quy chế thực hiện công khai.

II. NỘI DUNG:

1. Phân công nhiệm vụ thực hiện công tác công khai.

Hiệu trưởng nhà trường phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các bộ phận phụ trách cụ thể; hiệu trưởng là người chỉ đạo chung, hiệu phó phụ trách chuyên môn thực hiện công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; phó hiệu trưởng còn lại phụ trách việc công khai Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục; kế toán nhà trường thực hiện việc công khai thu chi tài

chính; thư ký hội đồng nhà trường thực hiện việc ghi chép nội dung các cuộc họp và các báo cáo gửi cấp trên.

Hiệu trưởng nhà trường và bộ phận thi đua khen thưởng thực hiện việc giám sát công tác công khai, thường xuyên theo dõi, đôn đốc các bộ phận thực hiện theo đúng quy định.

2. Tổ chức thực hiện:

- Thông qua Hội nghị CB-VC đầu năm:

+ Giáo viên đăng ký chất lượng bộ môn, lớp và danh hiệu thi đua cá nhân.

+ Tổ Chuyên môn đăng ký chất lượng hoạt động của tổ về chất lượng bộ môn, giáo dục, chất lượng các hội thi, kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, phương pháp nâng cao chất lượng giáo dục của tổ.

+ Công đoàn, phát động thi đua tạo không khí tích cực học tập, rèn luyện trong đội ngũ cán bộ giáo viên và học sinh.

- Tổng hợp chất lượng giáo dục vào cuối học kỳ và cuối năm có so sánh đánh giá phân tích kết quả so với những năm trước để thực hiện công khai.

- Thực hiện đánh giá phân loại giáo viên nhân viên hàng năm để thực hiện công khai chất lượng đội ngũ.

3. Các nội dung công khai:

3.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: (Theo Biểu mẫu 09).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: (Thực hiện theo Biểu mẫu 10).

3.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: (Thực hiện theo Biểu mẫu 11).

b) Đội ngũ nhà giáo, CBQL và nhân viên: (Thực hiện theo Biểu mẫu 12).

3.3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính:

- Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính có sử dụng các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính, Hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính.

- Công khai tình hình hoạt động tài chính theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao môi trường. Công khai mức thu học phí, lệ phí, các khoản thu khác theo từng năm, số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ cho cơ sở giáo dục, các khoản thu từ viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng, các khoản phải nộp cho ngân sách nhà nước.

b) Các khoản chi theo năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, chi tham quan học tập; chi đầu tư sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

3.4. Hình thức và thời điểm công khai

- Niêm yết công khai đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Bất cứ lúc nào, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

- Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh và ra thông báo công khai được niêm yết tại trường và các tổ dân phố trên địa bàn trước khi tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học tại trường: thông báo bằng thông tin của nhà trường và phổ biến cho cha mẹ học sinh trong các buổi họp cha mẹ học sinh đầu và cuối năm học.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Quy chế công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của trường THCS Nguyễn Tất Thành./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để b/c);
- Trang Website;
- Lưu: VT, HSKĐ, HSCK.



Lê Thị Xuân

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2021 – 2022**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- Đủ tuổi theo quy định. - Thuộc địa bàn tuyển sinh			
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Do Bộ GD&ĐT quy định	- Do Bộ GD&ĐT quy định	- Do Bộ GD&ĐT quy định	- Do Bộ GD&ĐT quy định
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Thường xuyên, khi có thông báo - Chăm ngoan, lễ phép	- Thường xuyên, khi có thông báo - Chăm ngoan, lễ phép	- Thường xuyên, khi có thông báo - Chăm ngoan, lễ phép	- Thường xuyên, khi có thông báo. - Chăm ngoan, lễ phép
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- GD kỹ năng sống. - Học tiếng Anh với người bản xứ. - Tổ chức các HĐ trong nhà trường	- GD kỹ năng sống. - Học tiếng Anh với người bản xứ. - Tổ chức các HĐ trong nhà trường.	- GD kỹ năng sống. - Học tiếng Anh với người bản xứ. - Tổ chức các HĐ trong nhà trường	- GD kỹ năng sống. - Học tiếng Anh với người bản xứ. - Tổ chức các HĐ trong nhà trường
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Học lực đạt TB trở lên; HK khá trở lên. - Có sức khỏe tốt.	- Học lực đạt TB trở lên; HK khá trở lên. - Có sức khỏe tốt.	- Học lực đạt TB trở lên; HK khá trở lên. - Có sức khỏe tốt.	- Học lực đạt TB trở lên; HK khá trở lên. - Có sức khỏe tốt.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- 100% học sinh tiếp tục học tiếp	- 100% học sinh tiếp tục học tiếp	- 100% học sinh tiếp tục học tiếp	- 100% học sinh tiếp tục học tiếp

Nghĩa Trung, ngày 06 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Xuân

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của
trường trung học cơ sở, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1.287	383	364	310	230
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1.227 95,34	366 95,56	345 94,78	299 94,45	217 94,35
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	60 4,66	17 4,44	19 5,22	11 3,55	13 5,65
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-
II	Số học sinh chia theo học lực	1.287	383	364	310	230
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	252 19,58	75 19,58	60 16,48	71 22,9	46 20
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	627 48,72	177 46,21	188 51,65	133 42,9	129 56,09
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	384 29,84	120 31,33	107 29,4	102 32,9	55 23,91
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	24 1,86	11 2,87	9 2,47	4 1,29	0 00
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-
III	Tổng hợp kết quả cuối năm (Năm 2020-2021)					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1263 98,1%	361 97,1%	355 97,5%	306 98,7%	230 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	252 19,58	75 19,58	60 16,48	71 22,9	46 20
b	Học sinh tiên tiến	627	177	188	133	129

	(tỷ lệ so với tổng số)	48,72	46,21	51,65	42,9	56,09
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	24	11	9	4	-
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,23%	1 0,26	1 0,27	1 0,32	-
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	50/37	5 /13	24/12	12/8	9/4
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	6	-	5	1	0
IV Số học sinh đạt giải các kỳ thi HS giỏi						
1	Cấp huyện	149	38	39	44	28
2	Cấp tỉnh/thành phố	19	2	5	2	10
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	-	-	-	-	-
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	230	-	-	-	230
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	230	-	-	-	1607
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	46 20,0	-	-	-	46 20,0
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	129 56,09	-	-	-	129 56,09
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	55 23,91	-	-	-	55 23,91
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-
VII I	Số học sinh nam/số học sinh nữ	666/621	199/184	181/183	172/138	114/116
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	107	35	30	23	19

Nghĩa Trung, ngày 11 tháng 6 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Xuân

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	36	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	-	-
1	Phòng học kiên cố	30	-
2	Phòng học bán kiên cố	-	-
3	Phòng học tạm	-	-
4	Phòng học nhờ	-	-
5	Số phòng học bộ môn	6	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	46	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	29364	-
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4500	6.04
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	42	1.13
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	75	2.02
3	Diện tích thư viện (m ²)	75	2.02
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	2500	3.35
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn, Đội, phòng truyền thống (m ²)	50	-
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ) (tính theo TB cũ)	45	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo	45	

	quy định		
1.1	Khối lớp 6,7	25	
1.2	Khối lớp 8	10	
1.3	Khối lớp 9	10	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	30	
2.1	Khối lớp...	10	
2.2	Khối lớp...	10	
2.3	Khối lớp...	10	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	-	
4	...	-	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	78	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	4	
2	Cát xét	7	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	7	
5	Thiết bị khác...		
6			

X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh					

(Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	

XIII	Kết nối Internet	X	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XV	Tường rào xây	X	

Nghĩa Trung, ngày 11 tháng 6 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Xuân

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	49		01	40	7	2		13	34	0	35	7		
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	42		0	35	7	0								
1	Toán	8			7	1			2	6		7			
2	Lý	3			2	1			1	2		2			
3	Hóa	2			2					2		2			
4	Sinh	3			3				1	2		3			
5	Tin	2			2				1	1		2			
6	Văn	7			5	2			2	5		5	2		
7	Sử	3			1	2			2	1		1	2		
8	Địa	3			2	1			1	2		2	1		
9	Tiếng Anh	5			5					5		5			
10	Thể dục	2			2					2		2			
11	Nhạc - MT	4			4				2	2		4			
12	Tổng PT Đội	1			1					1		1			
II	Cán bộ quản lý	3			3					3		3			
1	Hiệu trưởng	1		1						1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2		2			

III	Nhân viên	4									4			
1	Nhân viên VT-TQ	1				1					1			
2	Nhân viên kế toán	1			1						1			
3	Nhân viên y tế	1				1					1			
4	Nhân viên TV-TB	1			1						1			
5	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm													
6	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật													
7	Nhân viên công nghệ thông tin													

Nghĩa Trung, ngày 11 tháng 6 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Lê Chi Xuân